FireAnt

CTCP CIC39 (HSX: C32)

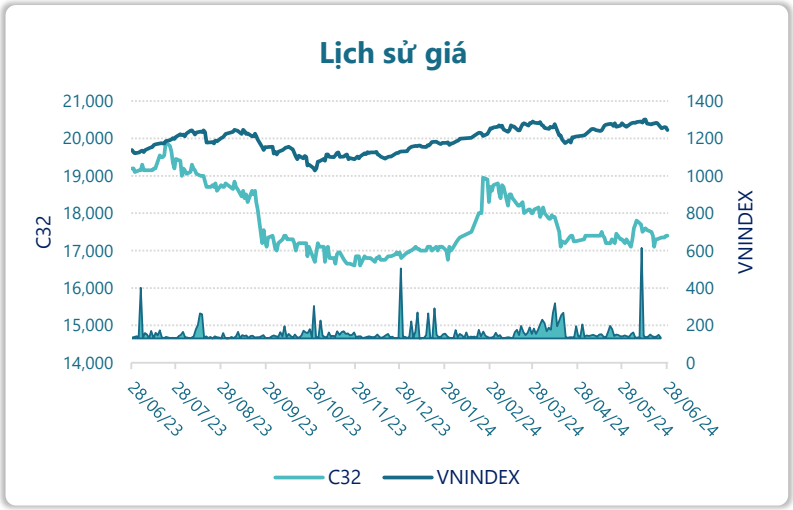

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,600
SL cổ phiếu LH	15,029,145
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40,025
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	262
P/E	975.4
EPS	18

DT thuần

Q2/24

191

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 27.0| 16.4%

YoY: ▲ 68.0| 55.2%

LN sau thuế

Q2/24

6.44

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.5| 258%

YoY: ▲ 3.29| 104%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

4.9%

+/- YoY: ▼ 1.6%

DT thuần

6T 2024

354

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 134| 61.0%

LN sau thuế

6T 2024

2.37

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.41| -37.3%

ROE

Q2/24

0.0%

+/- YoY: ▼ 2.6%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

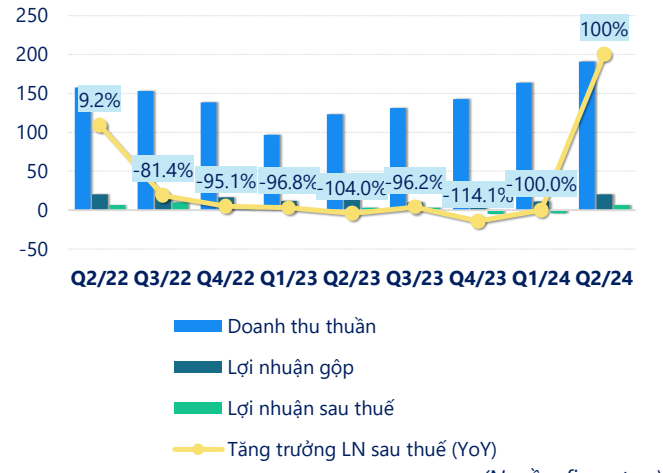

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

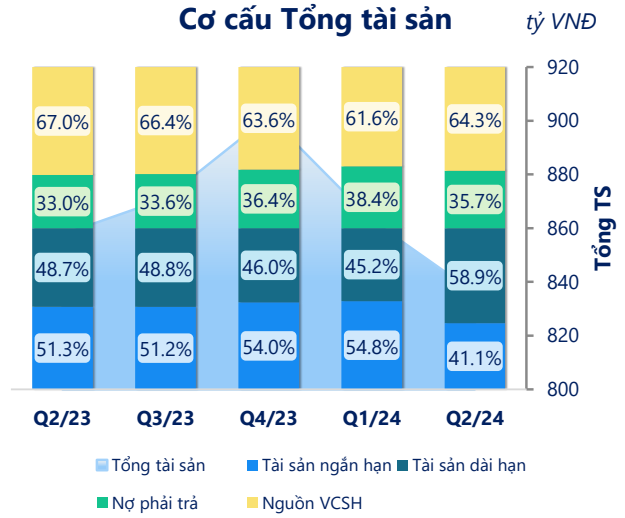

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

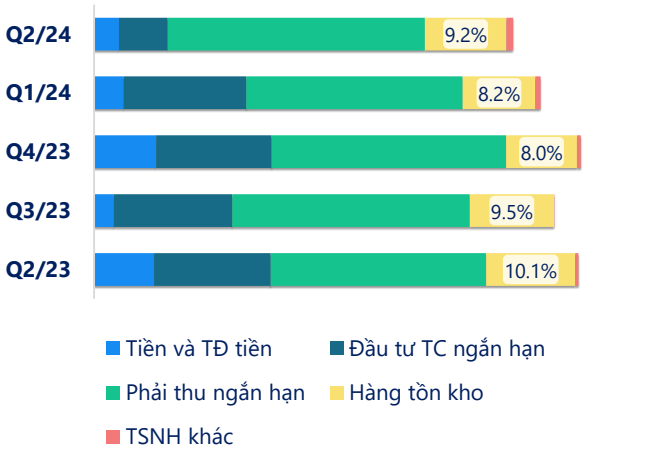

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

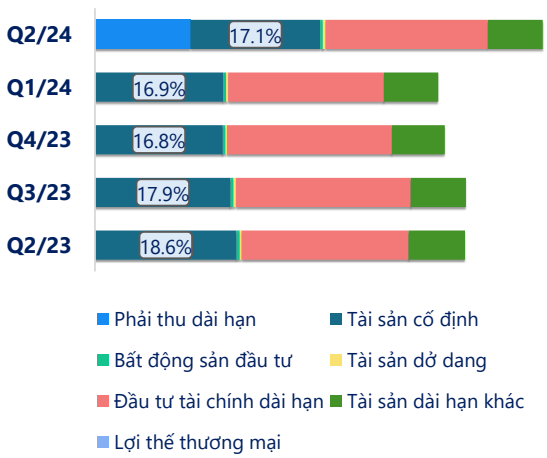

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

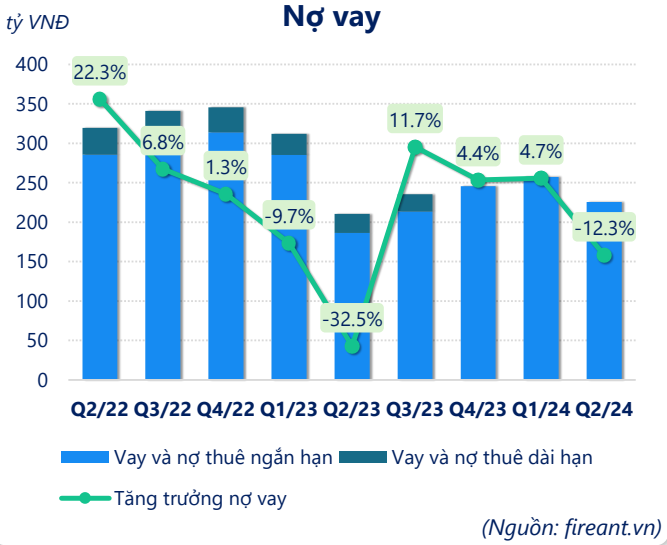

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

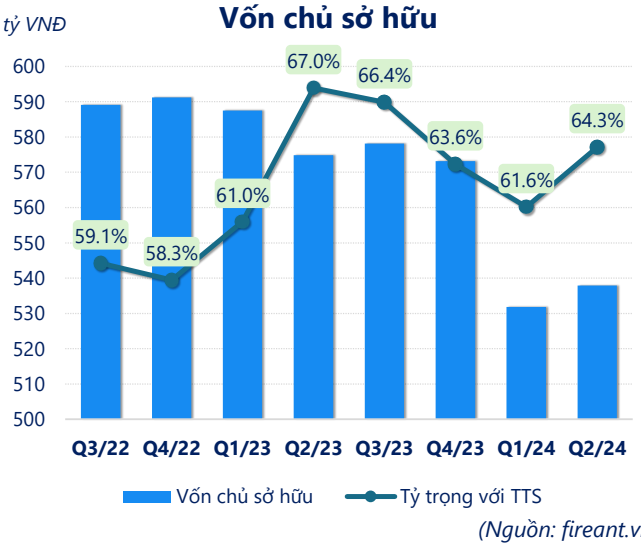

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

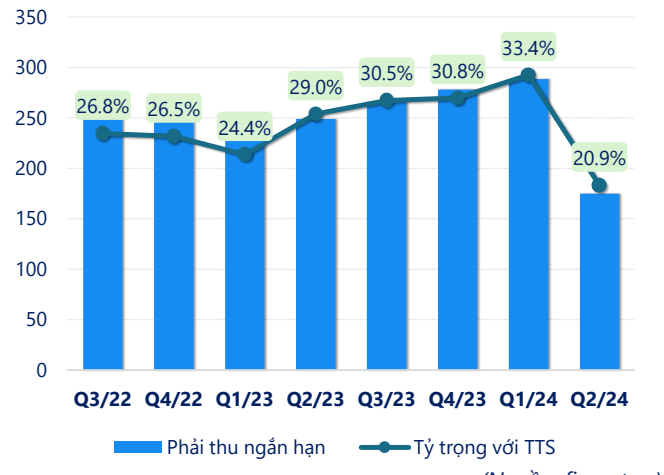

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

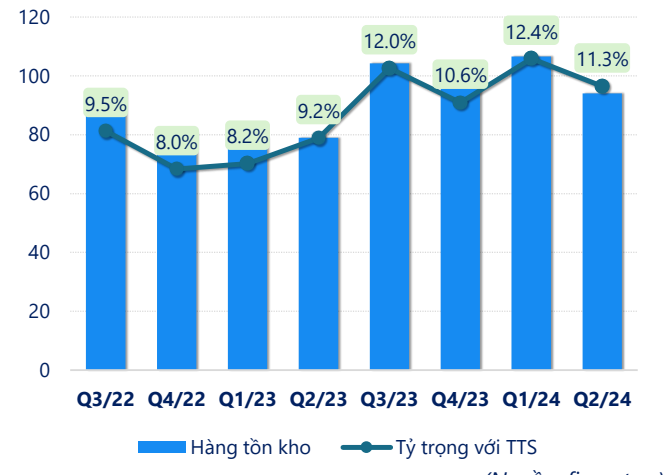

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

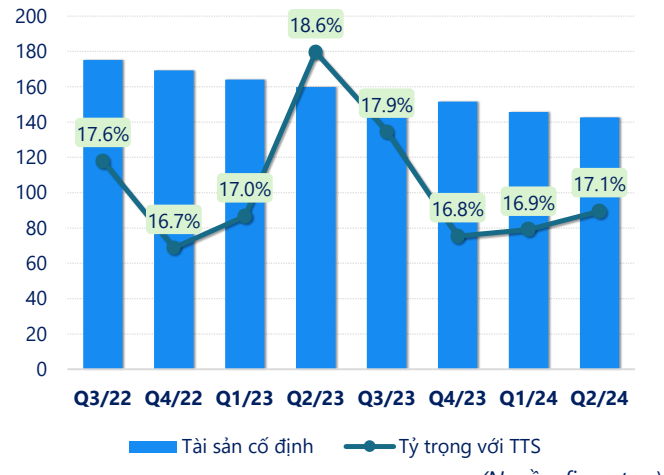

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

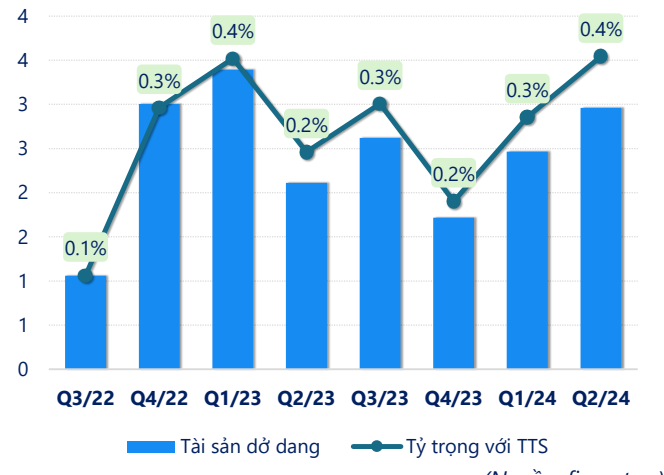

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

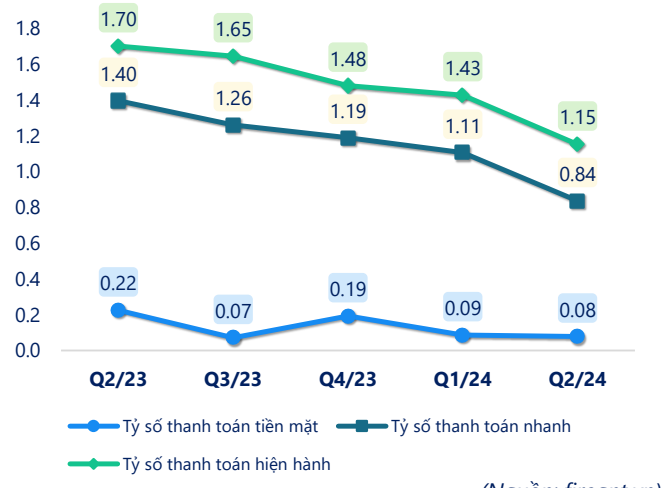

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

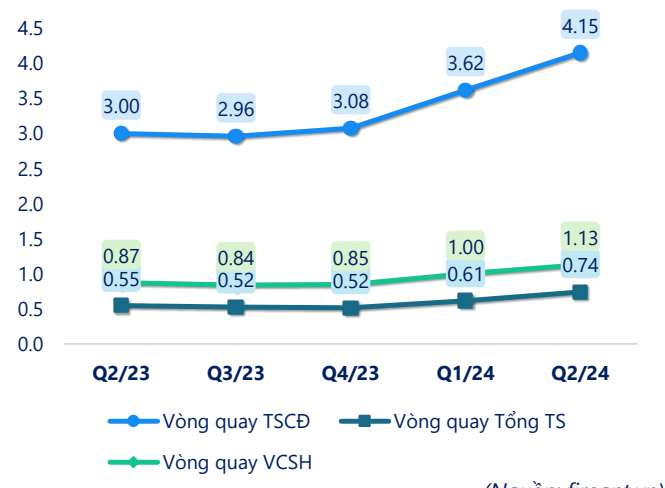

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**858**	**871**	**902**	**863**	**836**
Tài sản ngắn hạn	**440**	**446**	**487**	**473**	**343**
Tiền và tương đương tiền	58.1	19.3	63.2	28.6	23.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.1	51.3	45.8	44.9	47.4
Phải thu ngắn hạn	249	266	278	289	175
Hàng tồn kho	79.0	104	95.7	107	94.1
Tài sản ngắn hạn khác	6.67	4.94	3.72	4.13	3.43
Tài sản dài hạn	**418**	**425**	**415**	**390**	**493**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	105
Tài sản cố định	160	156	152	146	143
Bất động sản đầu tư	3.49	3.39	3.28	3.18	3.08
Tài sản dở dang	2.11	2.62	1.72	2.47	2.96
Đầu tư tài chính dài hạn	189	200	196	177	178
Tài sản dài hạn khác	63.8	63.3	62.6	62.2	60.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**283**	**293**	**329**	**331**	**298**
Nợ ngắn hạn	**258**	**271**	**329**	**331**	**298**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	186	213	246	257	226
Phải trả người bán ngắn hạn	25.3	12.7	19.3	14.2	22.3
Nợ dài hạn	24.4	22.0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	24.4	22.0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**575**	**578**	**573**	**532**	**538**
Vốn chủ sở hữu	**575**	**578**	**573**	**532**	**538**
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)